

Số: 10/2024/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 ngày 6 tháng 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 234/TTr-STC ngày 25 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức và phương thức quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan.

2. Các nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được xác định theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của mỗi huyện, thị xã, thành phố: Tối đa 06 xe/01 huyện.

- Bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của 01 huyện: huyện Thoại Sơn là 02 xe/01 huyện do đáp ứng từ 02 tiêu chí trở lên (các tiêu chí: huyện có từ 15 đơn vị hành chính là xã, thị trấn trở lên; huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên; huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ).

- Bổ sung định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của 06 huyện, thị xã: thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên, huyện An Phú, huyện Chợ Mới, huyện Phú Tân, huyện Tri Tôn là 01 xe/01 huyện do đáp ứng 01 tiêu chí (các tiêu chí: huyện có từ 15 đơn vị hành chính là xã, thị trấn trở lên; huyện có diện tích tự nhiên từ 450 km² trở lên; huyện thuộc địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác

1. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của đơn vị.

2. Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung của các huyện, thị xã, thành phố: Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Huyện ủy) quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này; tổ chức xác định số lượng xe ô tô phục vụ công tác được sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, định mức và xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được quy định tại Quyết định này thực hiện quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định của pháp luật; cập nhật dữ liệu về xe ô tô vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và thay thế Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng và hình thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

2. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Báo & Đài PTTH An Giang;
- Cổng thông tin điện tử An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Minh Thúy

Phụ lục

ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG

CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Đơn vị đang quản lý, sử dụng	Số lượng và chủng loại xe theo Nghị định 72							Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					Xe bán tải	
			Xe từ 4 chỗ	Xe từ 12-16 chỗ	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi (thường)	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi (2 cầu)	Xe 2 cầu có công suất lớn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng cộng (A+B)	150	32	24	66	23	2	3	
A	Cấp tỉnh (I+II+III)	76	20	13	25	13	2	3	
I	Xe ô tô của khối văn phòng cấp tỉnh	15	3	3	1	6	2	0	
1	Tỉnh ủy	5	1	1	1	1	1		
2	Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh	5	1	1		3			
3	Ủy ban nhân dân tỉnh	5	1	1		2	1		
II	Xe ô tô của sở, ban ngành và tương đương cấp tỉnh, MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội	50	12	10	20	6		2	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5	1		4				
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	1	1					
6	Sở Tư pháp	2		1	1				
7	Sở Khoa học và Công nghệ	2		1	1				
8	Sở Tài chính	2	1			1			
9	Sở Xây dựng	2			1	1			
10	Sở Công Thương	2	1			1			
11	Sở Giao thông Vận tải	2	1			1			
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	2		1	1				
13	Sở Y tế	5	1	1	2			1	
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3	1	1	1				
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3		1		1		1	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	1		2				
17	Sở Thông tin và Truyền thông	2		1	1				
18	Sở Ngoại vụ	1			1				
19	Sở Nội vụ	2	1		1				
20	Thanh tra tỉnh	2		1	1				
21	Ban Dân tộc	1	1						
22	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	2	1	1					
23	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	1	1						
24	Tỉnh đoàn	1				1			
25	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	1			1				
26	Hội Nông dân tỉnh	1			1				
27	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1			1				
III	Xe ô tô của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh	11	5		4	1		1	
28	Đài phát thanh truyền hình An Giang	1						1	
29	TT. Xúc tiến Thương mại và Đầu tư tỉnh	1			1				
30	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	1	1						
31	Trường Cao đẳng nghề An Giang	2	1		1				
32	Trường Cao đẳng Y tế An Giang	1	1						
33	Ban QLDA Đầu tư Xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh	2			2				
34	Ban Quản lý di tích Óc Eo	0	0						
35	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông-Nông nghiệp	2	1			1			
36	Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Sam	1	1						
B	Cấp huyện, thị xã, thành phố	74	12	11	41	10	-	-	

STT	Đơn vị đang quản lý, sử dụng	Số lượng và chủng loại xe theo Nghị định 72						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó						
			Xe từ 4 chỗ	Xe từ 12-16 chỗ	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi (thường)	Xe 7 hoặc 8 chỗ ngồi (2 cầu)	Xe 2 cầu có công suất lớn		Xe bán tải
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Thành phố Long Xuyên	6	1	1	4	-	-	-	
2	Thành phố Châu Đốc	6	-	1	5	-	-	-	
3	Thị xã Tân Châu	7	1	2	4	-	-	-	
4	Huyện An Phú	7	3	1	3	-	-	-	
5	Huyện Phú Tân	7	1	2	4	-	-	-	
6	Thị xã Tịnh Biên	7	-	2	-	5	-	-	
7	Huyện Tri Tôn	7	1	1	3	2	-	-	
8	Huyện Châu Phú	6	1	-	5	-	-	-	
9	Huyện Chợ Mới	7	2	-	5	-	-	-	
10	Huyện Châu Thành	6	-	-	6	-	-	-	
11	Huyện Thoại Sơn	8	2	1	2	3	-	-	